

E - HOÀN THIỆN — VẬT TƯ XÂY DỰNG HOÀN THIỆN và GIẢI CÔNG LẮP ĐẶT HOÀN THIỆN

I - VẬT TƯ GẠCH LÁT SÀN

- áp dụng tiêu chuẩn khổ gạch 300x600mm đến 600x1200mm

	GÓI TIÊU CHUẨN		GÓI CAO CẤP
• Nền P. Khách, P. Bếp • Nền Hành Lang	Viglacera/Taicera hoặc gạch có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 210.000 vnd/m ²)		Vietceramics/Eurotiles hoặc gạch có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 450.000 vnd/m ²)
• Nền Sàn Phòng Ngủ	Viglacera/Taicera hoặc gạch có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 210.000 vnd/m ²)		Vietceramics/Eurotiles hoặc gạch có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 450.000 vnd/m ²)
• Nền Sàn Nhà Vệ Sinh	Viglacera/Taicera hoặc gạch có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 210.000 vnd/m ²)		Vietceramics/Eurotiles hoặc gạch có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 450.000 vnd/m ²)
• Nền Sàn Sân	Viglacera/Taicera hoặc gạch có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 210.000 vnd/m ²)		Vietceramics/Eurotiles hoặc gạch có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 450.000 vnd/m ²)
• Nền Sàn Ban Công	Viglacera/Taicera hoặc gạch có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 210.000 vnd/m ²)		Vietceramics/Eurotiles hoặc gạch có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 450.000 vnd/m ²)

I - VẬT TƯ GẠCH ỐP TƯỜNG

- áp dụng tiêu chuẩn khổ gạch 300x600mm đến 600x1200mm

	GÓI TIÊU CHUẨN		GÓI CAO CẤP
• Tường Nhà Vệ Sinh	Viglacera/Taicera hoặc gạch có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 210.000 vnd/m ²)		Vietceramics/Eurotiles hoặc gạch có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 450.000 vnd/m ²)
• Tường Sân, Ban Công • Tường Nhấn Cầu Thang	-		Vietceramics/Eurotiles hoặc gạch có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 450.000 vnd/m ²)
• Tường Mặt Tiền Trệt	-		Việt Nhật/Inax hoặc gạch có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 590.000 vnd/m ²)

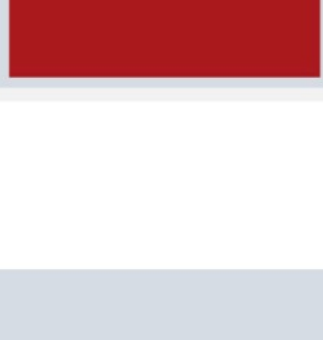
I - VẬT TƯ ĐỒNG TRẦN

- áp dụng tiêu chuẩn khoảng cách thanh xương a600x600mm hoặc a400x800mm

	GÓI TIÊU CHUẨN		GÓI CAO CẤP
• Trần Thạch Cao Các Phòng	Vĩnh Tường Khung chìm M29 Tấm nền Gyproc siêu bền X		Vĩnh Tường Khung chìm Alpha Tấm nền Gyproc siêu bền X
• Trần Thạch Cao Wc, Ban Công	Vĩnh Tường Khung chìm M29 Tấm nền Gyproc siêu kháng ẩm		Vĩnh Tường Khung chìm Alpha Tấm nền Gyproc siêu kháng ẩm

I - VẬT TƯ SƠN TƯỜNG, TRẦN

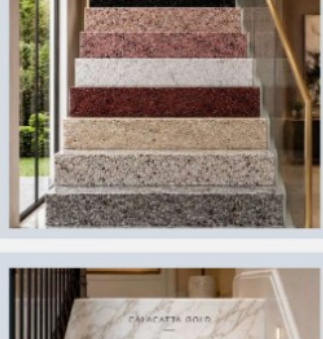
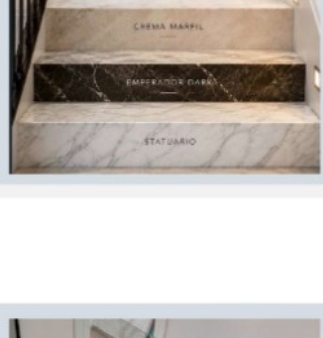
- áp dụng tiêu chuẩn thi công 2 lớp bả matic, lót, 2 lớp sơn màu đúng kỹ thuật

	GÓI TIÊU CHUẨN		GÓI CAO CẤP
• Bột Bả Matic - Tường ngoài nhà - Tường trong nhà	JoFun - Ngoại thất - Nội thất		Dulux - Ngoại thất - Nội thất
• Sơn Nước - Tường ngoài nhà - Tường trong nhà - Trần	JoFun - Jotashield - Escence - Jotalast		Dulux - Inspire - Weathershield
• Sơn Nước Khác - Vách song - Mặt diện khác ngoài mặt tiền chính	Kova - CT11A - Tường (Lần trực tiếp bề mặt)		Dulux - Weathershield

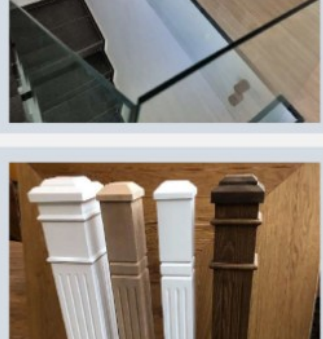
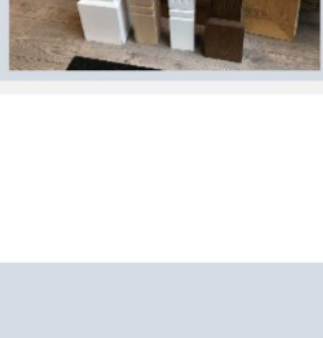
I - GIẢI CÔNG LẮP ĐẶT CỬA

	GÓI TIÊU CHUẨN		GÓI CAO CẤP
• Cửa Chính	Xingfa Nhập Khẩu Hệ R55 Dãy 2li Phụ kiện 3H, Draho chính hãng Kính trắng cường lực 10li		Xingfa Class A/Maxpro Hệ R55 Dãy 2li Phụ kiện Cmech chính hãng Kính trắng cường lực 10li
• Cửa Sổ	Xingfa Nhập Khẩu Hệ R55 Dãy 1.4li Phụ kiện 3H, Draho chính hãng Kính trắng cường lực 8li		Xingfa Class A/Maxpro Hệ R55 Dãy 1.4li Phụ kiện Cmech chính hãng Kính trắng cường lực 10li
• Cửa Phòng	Nhựa ABS/Composite Hãng Koss/Dewoo Phụ kiện Vickini/Việt Tiếp Chính hãng		Gỗ tự nhiên Phụ kiện Hafele Chính hãng

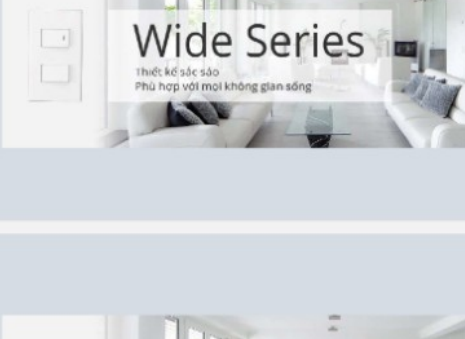
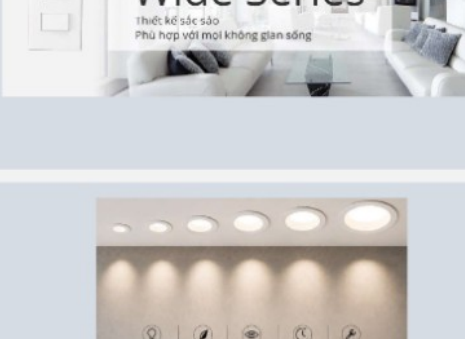
I - GIẢI CÔNG LẮP ĐẶT ĐÁ

	GÓI TIÊU CHUẨN		GÓI CAO CẤP
• Đá Mặt Nằm • Đá Ngạch Cửa	Granite có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 1.150.000 vnd/m ²)		Mable nhập khẩu Vicostone có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 2.250.000 vnd/m ²)
• Đá Mặt Đứng	Granite / Trắng NT có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 1.150.000 vnd/m ²)		Mable nhập khẩu Vicostone có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 2.250.000 vnd/m ²)

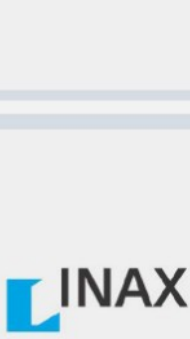
I - GIẢI CÔNG LẮP ĐẶT LAN CAN CẦU THANG - BAN CÔNG

• Lan Can Cầu Thang, Ban Công	Kính / Sắt đặc (đơn giá ≤ 690.000 vnd/md)		Kính dán / Sắt mỹ nghệ (đơn giá ≤ 1.380.000 vnd/md)
• Tay Vịn Cầu Thang, Ban Công	Gỗ tự nhiên / Nhôm (đơn giá ≤ 900.000 vnd/md)		Gỗ tự nhiên / Nhôm (đơn giá ≤ 1.800.000 vnd/md)
• Trụ Đỡ Ba Cầu Thang	-		Gỗ tự nhiên (đơn giá ≤ 9.000.000 vnd / 2 trụ)

I - LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CẤP NGUỒN ĐIỆN - CHIẾU SÁNG

	GÓI TIÊU CHUẨN		GÓI CAO CẤP
• Hệ Thống CB	MCB MCCB Panasonic		MCB MCCB Schneider RCBO Schneider
• Công Tắc, Dimmer	Panasonic Wide series		Panasonic Moderva Panasonic Minerva
• Ổ Cắm Điện, Cắm Mạng	Panasonic Wide series (Hạt ổ cắm 2 chân)		Panasonic Moderva Panasonic Minerva
• Đèn Chiếu Sáng	MPE / Hufa / Kingled Chính hãng PK ≤ 250.000 lumen/m ² PN ≤ 150.000 lumen/m ² PB ≤ 350.000 lumen/m ² HL ≤ 150.000 lumen/m ²		Panasonic / Philip Chính hãng PK ≤ 300.000 lumen/m ² PN ≤ 200.000 lumen/m ² PB ≤ 400.000 lumen/m ² HL ≤ 200.000 lumen/m ²
• Đèn Cầu Thang	-		Euroto Lighting Chính hãng

I - LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CẤP - THOÁT NƯỚC, THIẾT BỊ WC - NHÀ TẮM

	GÓI TIÊU CHUẨN		GÓI CAO CẤP
• Bộ Sen Tắm 3 món	Inax/Viglacera Có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 6.500.000 bộ)		Toto / Kohler Có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 13.000.000 bộ)
• Chậu Lavabo	Inax/Viglacera Có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 1.600.000 bộ)		Toto / Kohler Có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 4.000.000 bộ)
• Chậu Lavabo • Cỗ Thái Chũ P	Inax/Viglacera Có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 1.600.000 bộ) (đơn giá ≤ 600.000 bộ)		Toto / Kohler Có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 4.000.000 bộ) (đơn giá ≤ 1.200.000 bộ)
• Vòi Xả Lavabo	Inax/Viglacera Có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 1.400.000 bộ)		Toto / Kohler Có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 3.000.000 bộ)
• Bệ Xí • Vòi Xịt	Inax/Viglacera Có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 3.800.000 bộ) (đơn giá ≤ 960.000 bộ)		Toto / Kohler Có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 8.000.000 bộ) (đơn giá ≤ 1.800.000 bộ)
• Phễu Thoát Sàn • Phễu Chấn Rắc	Inax/Viglacera Có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 300.000 bộ)		Toto / Kohler Có giá trị tương đương (đơn giá ≤ 1.200.000 bộ)